

Số : 721/QĐ - TTg

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành có liên quan trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng nội dung và thời hạn quy định tại Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ động phát hiện và kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan thuộc thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đối với các Luật, Pháp lệnh, Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ để thực hiện Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Văn phòng Chính phủ kiểm tra, đôn đốc thực hiện và tổng hợp vướng mắc của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan để kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ trong quá trình thực thi Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KSTT (3b) *110*

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Văn Thành



PHƯƠNG ÁN

Cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường

*(Kèm theo Quyết định số 121/QĐ-TTg
ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

I. QUY ĐỊNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

1. Thủ tục hành chính cấp trung ương

a) Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh dịch vụ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai

Thủ tục hành chính 1: Thẩm định, đánh giá điều kiện, năng lực của tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (mã thủ tục hành chính: 1.002972)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ thủ tục này.

Lý do: Thủ tục này hiện được quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 5b của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai) và được sửa đổi tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Liên quan đến việc thẩm định, đánh giá đủ điều kiện, năng lực hoạt động xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai cấp quốc gia thì trong thời gian từ năm 2018 đến nay không phát sinh hồ sơ đối với thủ tục hành chính này. Theo đó, cần phải bãi bỏ thủ tục hành chính này để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, cắt giảm thủ tục hành chính, chi phí thực hiện cho các tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ khoản 4 và khoản 5 Điều 5b của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ (được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai).

- Lộ trình thực hiện: 2022-2025.

b) Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh dịch vụ xác định giá đất

Thủ tục hành chính 2: Cấp, cấp đổi, cấp lại chứng chỉ định giá đất (mã thủ tục hành chính: 1.000732)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Về cách thức thực hiện: Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) theo dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.

- Về thành phần hồ sơ:

+ Bổ giấy chứng nhận đã hoàn thành về bồi dưỡng định giá đất.

Lý do: Thành phần hồ sơ này, cơ quan cấp chứng chỉ đã có, do đó, chỉ cần sửa đổi ở Mẫu đơn đề nghị cấp chứng chỉ theo hướng bổ sung thông tin đã tham gia khóa học.

+ Bổ Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (sau đây gọi là giấy tờ tùy thân) của người đề nghị cấp Chứng chỉ định giá đất.

Lý do: Thành phần hồ sơ này đã có trong dữ liệu quản lý dân cư, do đó, cơ quan cấp chứng chỉ sẽ khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đối với thông tin cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ.

- Về hình thức nộp các thành phần hồ sơ:

Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng Bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Điều 4, điểm b, điểm d khoản 1 Điều 5, điểm b khoản 2 Điều 6; sửa đổi điểm đ khoản 1, đoạn cuối khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT cho phù hợp với quy định của pháp luật đầu tư, đồng thời điều kiện này đã được quy định tại Nghị định số 44/2014/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP và Nghị định số 136/2018/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2025.

2. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

a) Thủ tục hành chính 1: Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (mã thủ tục hành chính: 1.002253)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Về thành phần hồ sơ:

+ Bỏ thành phần hồ sơ: Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất.

Lý do: Thành phần hồ sơ này cơ quan xem xét, giao đất, cho thuê đất đã có và lưu văn bản này.

+ Bỏ thành phần hồ sơ: Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất.

Lý do: Cơ quan tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp trích lục bản đồ địa chính thửa đất đối với những nơi đã có bản đồ địa chính hoặc thực hiện trích đo địa chính thửa đất theo yêu cầu của người xin giao đất, thuê đất nhằm giảm thời gian, các bước, chi phí, thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức.

- Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu, liên thông điện tử giữa các cơ quan thuế, tài nguyên và môi trường, kho bạc, Bộ phận Một cửa, ngân hàng hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán để cho phép cá nhân, tổ chức thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính về đất đai trên Hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Lý do: Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu, liên thông điện tử để cá nhân, tổ chức có thể thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong các thủ tục hành chính về đất đai giúp cắt giảm thủ tục, chi phí, thời gian đi lại liên hệ với cơ quan thuế, ngân hàng, Bộ phận Một cửa hoặc cơ quan tài nguyên và môi trường để nhận thông báo thuế, nộp nghĩa vụ tài chính và nộp chứng từ hoàn thành nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu là hoàn toàn khả thi dựa trên các hệ thống thông tin đã sẵn sàng như: Hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng Dịch vụ công quốc gia; cơ sở dữ liệu thuế; hệ thống một cửa điện tử của 63 tỉnh, thành phố đã kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia,...; đồng thời, việc này đã thực hiện thành công đối với thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai cho hộ gia đình, cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ điểm c, d khoản 1 Điều 3 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2025.

b) Thủ tục hành chính 2: Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (mã thủ tục hành chính: 1.002040)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Về thành phần hồ sơ:

Bỏ thành phần hồ sơ: Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất.

Lý do: Cơ quan tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp trích lục bản đồ địa chính thửa đất đối với những nơi đã có bản đồ địa chính hoặc thực hiện trích đo địa chính thửa đất theo yêu cầu của người xin giao đất, thuê đất nhằm giảm các bước, thời gian, chi phí, thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức.

- Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu, liên thông điện tử giữa các cơ quan thuế, tài nguyên và môi trường, kho bạc, Bộ phận Một cửa, ngân hàng hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán để cho phép cá nhân, tổ chức thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính về đất đai trên hệ thống thanh toán trực tuyến của Công Dịch vụ công quốc gia.

Lý do: Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu, liên thông điện tử để cá nhân, tổ chức có thể thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong các thủ tục hành chính về đất đai giúp cắt giảm thủ tục, chi phí, thời gian đi lại liên hệ với cơ quan thuế, ngân hàng, Bộ phận Một cửa hoặc cơ quan tài nguyên và môi trường để nhận thông báo thuế, nộp nghĩa vụ tài chính và nộp chứng từ hoàn thành nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu là hoàn toàn khả thi dựa trên các hệ thống thông tin đã sẵn sàng như: Hệ thống thanh toán trực tuyến của Công Dịch vụ công quốc gia; cơ sở dữ liệu thuế; hệ thống một cửa điện tử của 63 tỉnh, thành phố đã kết nối, tích hợp với Công Dịch vụ công quốc gia,...; đồng thời, việc này đã thực hiện thành công đối với thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai cho hộ gia đình, cá nhân trên Công Dịch vụ công quốc gia.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2025.

c) Thủ tục hành chính 3: Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở (Đối với tỉnh đã thành lập Văn phòng đăng ký đất đai) (mã thủ tục hành chính: 1.002273)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Cách thức thực hiện: Bổ sung thêm cách thức nộp thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến tùy thuộc điều kiện cụ thể về hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai đang quản lý tại địa phương.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục cũng như góp phần rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục so với việc thực hiện thủ tục theo phương thức truyền thống.

- Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu, liên thông điện tử giữa các cơ quan thuế, tài nguyên và môi trường, kho bạc, Bộ phận Một cửa, ngân hàng hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán để cho phép cá nhân, tổ chức thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính về đất đai trên hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Lý do: Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu, liên thông điện tử để cá nhân, tổ chức có thể thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong các thủ tục hành chính về đất đai giúp cắt giảm thủ tục, chi phí, thời gian đi lại liên hệ với cơ quan thuế, ngân hàng, Bộ phận Một cửa hoặc cơ quan tài nguyên và môi trường để nhận thông báo thuế, nộp nghĩa vụ tài chính và nộp chứng từ hoàn thành nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu là hoàn toàn khả thi dựa trên các hệ thống thông tin đã sẵn sàng như: Hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng Dịch vụ công quốc gia; cơ sở dữ liệu thuế; hệ thống một cửa điện tử của 63 tỉnh, thành phố đã kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia,...; đồng thời, việc này đã thực hiện thành công đối với thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai cho hộ gia đình, cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(2) Lộ trình thực hiện: 2022-2025.

d) Thủ tục hành chính 4: Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất (trường hợp đã thành lập Văn phòng đăng ký đất đai) (mã thủ tục hành chính: 1.001009)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Về thành phần hồ sơ:

Mẫu hóa Văn bản về chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất.

Lý do: Bảo đảm rõ ràng, minh bạch, áp dụng chung thống nhất, tránh yêu cầu tùy tiện của cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

- Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu, liên thông điện tử giữa các cơ quan thuế, tài nguyên và môi trường, kho bạc, Bộ phận Một cửa, ngân hàng hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán để cho phép cá nhân, tổ chức thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính về đất đai trên hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Lý do: Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu, liên thông điện tử để cá nhân, tổ chức có thể thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong các thủ tục hành chính về đất đai giúp cắt giảm thủ tục, chi phí, thời gian đi lại liên hệ với cơ quan thuế, ngân hàng, Bộ phận Một cửa hoặc cơ quan tài nguyên và môi trường để nhận thông báo thuế, nộp nghĩa vụ tài chính và nộp chứng từ hoàn thành nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu là hoàn toàn khả thi dựa trên các hệ thống thông tin đã sẵn sàng như: Hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng Dịch vụ công quốc gia; cơ sở dữ liệu thuế; hệ thống một cửa điện tử của 63 tỉnh, thành phố đã kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia,...; đồng thời, việc này đã thực hiện thành công đối với thanh toán trực tuyến nghĩa

vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai cho hộ gia đình, cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2025.

đ) Thủ tục hành chính 5: Thẩm định phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp (trường hợp đã thành lập Văn phòng đăng ký đất đai) (mã thủ tục hành chính: 2.000962)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Cách thức thực hiện: Bổ sung thêm cách thức nộp TTHC qua dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính.

Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.

- Về thành phần hồ sơ: Mẫu hóa văn bản đề nghị giải quyết TTHC gồm các văn bản sau:

+ Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án sử dụng đất.

+ Báo cáo thuyết minh tổng hợp phương án sử dụng đất và biểu kèm theo.

+ Bản đồ phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức trong tiếp cận, thực hiện TTHC; đồng thời, là cơ sở để triển khai mẫu đơn, tờ khai điện tử khi có đủ điều kiện về hạ tầng kỹ thuật.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 1 Điều 7 Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT ngày 26/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập phương án sử dụng đất; lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc, lập bản đồ địa chính; xác định giá thuê đất; giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với công ty nông, lâm nghiệp.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2025.

e) Thủ tục hành chính 6: Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở (trường hợp chưa thành lập Văn phòng đăng ký đất đai) (mã thủ tục hành chính: 2.000946)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Cách thức thực hiện: Bổ sung thêm cách thức nộp TTHC qua dịch vụ công trực tuyến tùy thuộc điều kiện cụ thể về hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai đang quản lý tại địa phương.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục cũng như góp phần rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục so với việc thực hiện thủ tục theo phương thức truyền thống.

- Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu, liên thông điện tử giữa các cơ quan thuế, tài nguyên và môi trường, kho bạc, Bộ phận Một cửa, ngân hàng hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán để cho phép cá nhân, tổ chức thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính về đất đai trên hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Lý do: Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu, liên thông điện tử để cá nhân, tổ chức có thể thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong các thủ tục hành chính về đất đai giúp cắt giảm thủ tục, chi phí, thời gian đi lại liên hệ với cơ quan thuế, ngân hàng, Bộ phận Một cửa hoặc cơ quan tài nguyên và môi trường để nhận thông báo thuế, nộp nghĩa vụ tài chính và nộp chứng từ hoàn thành nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu là hoàn toàn khả thi dựa trên các hệ thống thông tin đã sẵn sàng như: Hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng Dịch vụ công quốc gia; cơ sở dữ liệu thuế; hệ thống một cửa điện tử của 63 tỉnh, thành phố đã kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia,...; đồng thời, việc này đã thực hiện thành công đối với thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai cho hộ gia đình, cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(2) Lộ trình thực hiện: 2022-2025.

g) Thủ tục hành chính 7: Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất (trường hợp chưa thành lập Văn phòng đăng ký đất đai) (mã thủ tục hành chính: 2.000407)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Về thành phần hồ sơ:

Mẫu hóa Văn bản về chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất.

Lý do: Bảo đảm rõ ràng, minh bạch, áp dụng chung thống nhất, tránh yêu cầu tùy tiện của cơ quan tiếp nhận, giải quyết TTHC.

- Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu, liên thông điện tử giữa các cơ quan thuế, tài nguyên và môi trường, kho bạc, Bộ phận Một cửa, ngân hàng hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán để cho phép cá nhân, tổ chức thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính về đất đai trên Hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Lý do: Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu, liên thông điện tử để cá nhân, tổ chức có thể thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong các thủ tục hành chính về đất đai giúp cắt giảm thủ tục, chi phí, thời gian đi lại liên hệ với cơ quan thuế, ngân hàng, Bộ phận Một cửa hoặc cơ quan tài nguyên và môi trường để nhận thông báo thuế, nộp nghĩa vụ tài chính và nộp chứng từ hoàn thành nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu là hoàn toàn khả thi dựa trên các hệ thống thông tin đã sẵn sàng như: Hệ thống thanh toán trực

tuyển của Công Dịch vụ công quốc gia; cơ sở dữ liệu thuế; hệ thống một cửa điện tử của 63 tỉnh, thành phố đã kết nối, tích hợp với Công Dịch vụ công quốc gia,...; đồng thời, việc này đã thực hiện thành công đối với thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai cho hộ gia đình, cá nhân trên Công Dịch vụ công quốc gia.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2025.

h) Thủ tục hành chính 8: Thẩm định phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp (trường hợp chưa thành lập Văn phòng đăng ký đất đai) (mã thủ tục hành chính: 1.004361)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Cách thức thực hiện: Bổ sung thêm cách thức nộp TTHC qua dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính.

Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.

- Về thành phần hồ sơ: Mẫu hóa văn bản đề nghị giải quyết TTHC gồm các văn bản sau:

- + Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án sử dụng đất.
- + Báo cáo thuyết minh tổng hợp phương án sử dụng đất và biểu kèm theo.
- + Bản đồ phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức trong tiếp cận, thực hiện TTHC; đồng thời, là cơ sở để triển khai mẫu đơn, tờ khai điện tử khi có đủ điều kiện về hạ tầng kỹ thuật.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 1 Điều 7 Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT ngày 26/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập phương án sử dụng đất; lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc, lập bản đồ địa chính; xác định giá thuê đất; giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với công ty nông, lâm nghiệp...

- Lộ trình thực hiện: 2022-2025.

3. Thủ tục hành chính cấp huyện

a) Thủ tục hành chính 1: Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất (mã thủ tục hành chính: 2.000381)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Về thành phần hồ sơ: Bỏ trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất.

Lý do: Cơ quan tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp trích lục bản đồ địa chính thửa đất đối với những nơi đã có bản đồ địa chính hoặc thực hiện trích đo địa chính thửa đất theo yêu cầu của người xin giao đất, thuê đất nhằm giảm các bước, thời gian, chi phí, thủ tục hành chính cho hộ gia đình, cá nhân.

- Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu, liên thông điện tử giữa các cơ quan thuế, tài nguyên và môi trường, kho bạc, Bộ phận Một cửa, ngân hàng hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán để cho phép cá nhân, tổ chức thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính về đất đai trên hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Lý do: Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu, liên thông điện tử để cá nhân, tổ chức có thể thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong các thủ tục hành chính về đất đai giúp cắt giảm thủ tục, chi phí, thời gian đi lại liên hệ với cơ quan thuế, ngân hàng, Bộ phận Một cửa hoặc cơ quan tài nguyên và môi trường để nhận thông báo thuế, nộp nghĩa vụ tài chính và nộp chứng từ hoàn thành nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu là hoàn toàn khả thi dựa trên các hệ thống thông tin đã sẵn sàng như: Hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng Dịch vụ công quốc gia; cơ sở dữ liệu thuế; hệ thống một cửa điện tử của 63 tỉnh, thành phố đã kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia,...; đồng thời, việc này đã thực hiện thành công đối với thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai cho hộ gia đình, cá nhân đối với thuế, lệ phí trước bạ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 1 Điều 4 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2025.

b) Thủ tục hành chính 2: Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở (mã thủ tục hành chính: 2.000955)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bổ sung hình thức thực hiện thủ tục này theo phương thức điện tử tùy thuộc điều kiện cụ thể về hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai đang quản lý tại địa phương.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục cũng như góp phần rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục so với việc thực hiện thủ tục theo phương thức truyền thống.

- Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu, liên thông điện tử giữa các cơ quan thuế, tài nguyên và môi trường, kho bạc, Bộ phận Một cửa, ngân hàng hoặc tổ

chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán để cho phép cá nhân, tổ chức thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính về đất đai trên hệ thống thanh toán trực tuyến của Công Dịch vụ công quốc gia.

Lý do: Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu, liên thông điện tử để cá nhân, tổ chức có thể thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong các thủ tục hành chính về đất đai giúp cắt giảm thủ tục, chi phí, thời gian đi lại liên hệ với cơ quan thuế, ngân hàng, Bộ phận Một cửa hoặc cơ quan tài nguyên và môi trường để nhận thông báo thuế, nộp nghĩa vụ tài chính và nộp chứng từ hoàn thành nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu là hoàn toàn khả thi dựa trên các hệ thống thông tin đã sẵn sàng như: Hệ thống thanh toán trực tuyến của Công Dịch vụ công quốc gia; cơ sở dữ liệu thuế; hệ thống một cửa điện tử của 63 tỉnh, thành phố đã kết nối, tích hợp với Công Dịch vụ công quốc gia,...; đồng thời, việc này đã thực hiện thành công đối với thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai cho hộ gia đình, cá nhân đối với thuế, lệ phí trước bạ trên Công Dịch vụ công quốc gia.

(2) Lộ trình thực hiện: 2022-2025.

c) Thủ tục hành chính 3: Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Về thành phần hồ sơ:

Mẫu hóa Văn bản về chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất.

Lý do: Bảo đảm rõ ràng, minh bạch, áp dụng chung thống nhất, tránh yêu cầu tùy tiện của cơ quan tiếp nhận, giải quyết TTHC.

- Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu, liên thông điện tử giữa các cơ quan thuế, tài nguyên và môi trường, kho bạc, Bộ phận Một cửa, ngân hàng hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán để cho phép cá nhân, tổ chức thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính về đất đai trên hệ thống thanh toán trực tuyến của Công Dịch vụ công quốc gia.

Lý do: Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu, liên thông điện tử để cá nhân, tổ chức có thể thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong các thủ tục hành chính về đất đai giúp cắt giảm thủ tục, chi phí, thời gian đi lại liên hệ với cơ quan thuế, ngân hàng, Bộ phận Một cửa hoặc cơ quan tài nguyên và môi trường để nhận thông báo thuế, nộp nghĩa vụ tài chính và nộp chứng từ hoàn thành nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu là hoàn toàn khả thi dựa trên các hệ thống thông tin đã sẵn sàng như: Hệ thống thanh toán trực tuyến của Công Dịch vụ công quốc gia; cơ sở dữ liệu thuế; hệ thống một cửa điện tử của 63 tỉnh, thành phố đã kết nối, tích hợp với Công Dịch vụ công quốc gia,...; đồng thời, việc này đã thực hiện thành công đối với thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai cho hộ gia đình, cá nhân đối với thuế, lệ phí trước bạ trên Công Dịch vụ công quốc gia.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2025.

II. QUY ĐỊNH TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN, ĐỊA CHẤT

1. Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản

Thủ tục hành chính cấp trung ương:

a) Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (mã thủ tục hành chính: 2.001816)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Về hình thức trả kết quả TTHC: Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

Lý do: Quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Do đó, mở rộng cách thức để tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong thực hiện TTHC.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Lý do: Khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Bãi bỏ văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản.

Lý do: Cơ quan cấp phép đã có văn bản này.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 theo hướng điện tử hóa, tích hợp, chia sẻ dữ liệu đối với các thành phần hồ sơ: Quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam trong trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài; Kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với trường hợp thăm dò khoáng sản độc hại; các văn bản chứng minh về vốn chủ sở hữu, trường hợp đề nghị thăm dò quặng phóng xạ, kèm theo hồ sơ còn có văn bản thẩm định an toàn của Cục An toàn bức xạ và hạt nhân thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

Lý do: Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và tích hợp, chia sẻ dữ liệu điện tử để bãi bỏ thành phần hồ sơ để giảm hồ sơ giấy tờ, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.



- Quy định cụ thể trong thời gian (01-03 ngày) kể từ ngày nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầu tiên có nhu cầu thăm dò khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân đó, tên loại khoáng sản và vị trí khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền cấp phép và Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo đấu thầu.

Lý do: Nghị định số 158/2016/NĐ-CP chưa quy định rõ về thời gian cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo kể từ ngày nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầu tiên có nhu cầu thăm dò khoáng sản.

- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp.

- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 07 ngày xuống 03 ngày làm việc.

- Lý do: Phù hợp với tình hình thực tiễn.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 47, điểm a khoản 3 Điều 48, điểm b khoản 1 Điều 49, điểm a khoản 1, điểm b khoản 2 và khoản 6 Điều 58 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 47 Luật Khoáng sản.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

b) Thủ tục hành chính 2: Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản (mã thủ tục hành chính: 2.001812)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

Lý do: Quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Do đó, mở rộng cách thức để tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong thực hiện TTHC.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo hướng điện tử hóa, tích hợp, chia sẻ dữ liệu đối với các thành phần hồ sơ; các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò tính đến thời điểm đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản.

Lý do: Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 để giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

- Về thời gian giải quyết TTHC: Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 47, điểm a khoản 3 Điều 48, điểm b khoản 2 Điều 49 và điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

c) Thủ tục hành chính 3: Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (mã thủ tục hành chính: 2.001742)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

Lý do: Quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Do đó, mở rộng cách thức để tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong thực hiện TTHC.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Lý do: Khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo hướng điện tử hóa, tích hợp, chia sẻ dữ liệu đối với các thành phần hồ sơ; các văn bản chứng minh việc tổ chức, cá nhân chuyển nhượng đã hoàn thành nghĩa vụ quy định tại các điểm b, c, d và e khoản 2 Điều 42; khoản 3 Điều 43 Luật Khoáng sản.

Lý do: Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và tích hợp, chia sẻ dữ liệu để bãi bỏ thành phần hồ sơ nhằm giảm hồ sơ giấy tờ, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 47, điểm a khoản 3 Điều 48, điểm b khoản 4 Điều 49 và điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

- Sửa đổi điểm d khoản 4 Điều 47 Luật Khoáng sản.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

d) Thủ tục hành chính 4: Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản (mã thủ tục hành chính: 1.004324)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

Lý do: Quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Do đó, mở rộng cách thức để tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong thực hiện TTHC.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 theo hướng điện tử hóa, tích hợp, chia sẻ dữ liệu đối với các thành phần hồ sơ; các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò tính đến thời điểm đề nghị trả lại.

Lý do: Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 để giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 47, điểm a khoản 3 Điều 48, điểm b khoản 3 Điều 49 và điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

đ) Thủ tục hành chính 5: Phê duyệt trữ lượng khoáng sản (mã thủ tục hành chính: 1.004277)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

Lý do: Quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Do đó, mở rộng cách thức để tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong thực hiện TTHC.

- Bổ đề án thăm dò khoáng sản và Giấy phép thăm dò khoáng sản; Giấy phép khai thác khoáng sản trong trường hợp thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản trong khu vực được phép khai thác.

Lý do: Cơ quan nhà nước đã có thành phần hồ sơ này.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo hướng điện tử hóa, tích hợp, chia sẻ dữ liệu đối với các thành phần hồ sơ đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản.

Lý do: Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và tích hợp, chia sẻ dữ liệu để bãi bỏ thành phần hồ sơ nhằm giảm hồ sơ giấy tờ, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp.

- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc.

Lý do: Phù hợp với tình hình thực tiễn.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 47, điểm a khoản 3 Điều 48, khoản 2 Điều 50 và Điều 66 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

- Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 50 Luật Khoáng sản.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

Thủ tục hành chính cấp tỉnh:

e) Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (mã thủ tục hành chính: 1.000778)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

Lý do: Quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Do đó, mở rộng cách thức để tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong thực hiện TTHC.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Lý do: Khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Bãi bỏ văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản.

Lý do: Cơ quan cấp phép đã có văn bản này.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 theo hướng điện tử hóa, tích hợp, chia sẻ dữ liệu đối với các thành phần hồ sơ: Quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam trong trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài; Kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với trường hợp thăm dò khoáng sản độc hại; các văn bản chứng minh về vốn chủ sở hữu, trường hợp đề nghị thăm dò quặng phóng xạ, kèm theo hồ sơ còn có văn bản thẩm định an toàn của Cục An toàn bức xạ và hạt nhân thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

Lý do: Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và tích hợp, chia sẻ dữ liệu để bãi bỏ thành phần hồ sơ nhằm giảm hồ sơ giấy tờ, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

- Quy định cụ thể trong thời gian (01-3 ngày) kể từ ngày nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầu tiên có nhu cầu thăm dò khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân đó, tên loại khoáng sản và vị trí khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền cấp phép và Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo đấu thầu.

Lý do: Nghị định số 158/2016/NĐ-CP chưa quy định rõ về thời gian cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo kể từ ngày nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầu tiên có nhu cầu thăm dò khoáng sản.

- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp.

- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 07 ngày xuống 03 ngày làm việc.

Lý do: Phù hợp với tình hình thực tiễn.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 47, điểm a khoản 3 Điều 48, điểm b khoản 1 Điều 49, điểm a khoản 1, khoản 6 Điều 58 và điểm a khoản 2 Điều 59 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 47 Luật Khoáng sản.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

g) Thủ tục hành chính 2: Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản (mã thủ tục hành chính: 1.004481)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

Lý do: Quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Do đó, mở rộng cách thức để tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong thực hiện TTHC.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng điện tử hóa, tích hợp, chia sẻ dữ liệu đối với các thành phần hồ sơ; các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò tính đến thời điểm đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản.

Lý do: Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và tích hợp, chia sẻ dữ liệu để giảm hồ sơ giấy tờ, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

- Về thời gian giải quyết TTHC: Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 47, điểm a khoản 3 Điều 48, điểm b khoản 2 Điều 49 và điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

h) Thủ tục hành chính 3: Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (mã thủ tục hành chính: 2.001814)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

Lý do: Quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Do đó, mở rộng cách thức để tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong thực hiện TTHC.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Lý do: Khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng điện tử hóa, tích hợp, chia sẻ dữ liệu đối với các thành phần hồ sơ; các văn bản chứng minh việc tổ chức, cá nhân chuyển nhượng đã hoàn thành nghĩa vụ quy định tại các điểm b, c, d và e khoản 2 Điều 42; khoản 3 Điều 43 Luật Khoáng sản.

Lý do: Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và tích hợp, chia sẻ dữ liệu để bãi bỏ thành phần hồ sơ nhằm giảm hồ sơ giấy tờ, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 47, điểm a khoản 3 Điều 48, điểm b khoản 4 Điều 49 và điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

- Sửa đổi điểm d khoản 4 Điều 47 Luật Khoáng sản.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

i) Thủ tục hành chính 4: Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản (mã thủ tục hành chính: 1.005408)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

Lý do: Quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Do đó, mở rộng cách thức để tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong thực hiện TTHC.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng điện tử hóa, tích hợp, chia sẻ dữ liệu đối với các thành phần hồ sơ; các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò tính đến thời điểm đề nghị trả lại.

Lý do: Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 47, điểm a khoản 3 Điều 48, điểm b khoản 3 Điều 49 và điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

k) Thủ tục hành chính 5: Phê duyệt trữ lượng khoáng sản (mã thủ tục hành chính: 2.001787)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

Lý do: Quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Do đó, mở rộng cách thức để tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong thực hiện TTHC.

- Bỏ đề án thăm dò khoáng sản và Giấy phép thăm dò khoáng sản; Giấy phép khai thác khoáng sản trong trường hợp thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản trong khu vực được phép khai thác.

Lý do: Cơ quan nhà nước đã có thành phần hồ sơ này.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng điện tử hóa, tích hợp, chia sẻ dữ liệu đối với các thành phần hồ sơ đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản.

Lý do: Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và tích hợp, chia sẻ dữ liệu để bãi bỏ thành phần hồ sơ nhằm giảm hồ sơ giấy tờ, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp.

- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc.

Lý do: Phù hợp với tình hình thực tiễn.

(2) Kiến nghị thực thi:



- Sửa đổi Điều 47, điểm a khoản 3 Điều 48, khoản 2 Điều 50 và Điều 66 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

- Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 50 Luật Khoáng sản.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

I) Thủ tục hành chính 6: Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản (mã thủ tục hành chính: 1.004083)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Về cách thức thực hiện: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản gửi hồ sơ đề nghị đến Sở Tài nguyên và Môi trường. Trường hợp địa phương đã thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Lý do: Nghị định số 158/2016/NĐ-CP chưa quy định cụ thể.

- Về thành phần hồ sơ: Mẫu hóa văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh được phép khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng điện tử hóa đối với các thành phần hồ sơ đề nghị khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản.

Lý do: Mẫu hóa hồ sơ sẽ giúp tổ chức, cá nhân được thực hiện một cách thống nhất và việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến để giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 32, Điều 47 và điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

2. Ngành nghề kinh doanh: Khai thác khoáng sản

Thủ tục hành chính cấp trung ương:

a) Thủ tục hành chính 1: Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình (mã thủ tục hành chính: 2.001746)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

Lý do: Quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Việc quy định mở cách thức trả kết quả sẽ phù hợp với tình hình thực tế hiện nay khi thực hiện cung cấp dịch vụ hành chính công (có thể trả qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến).

- Về thành phần hồ sơ:

+ Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Lý do: Khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

+ Bãi bỏ Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực đã có kết quả thăm dò (cấp giấy phép khai thác khoáng sản).

Lý do: Cơ quan cấp phép đã có văn bản này.

+ Bãi bỏ báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo quyết định phê duyệt của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (trường hợp báo cáo đánh giá tác động môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt).

Lý do: Cơ quan cấp phép đã có văn bản này.

+ Đối với hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản: Quy định rõ thành phần hồ sơ theo từng trường hợp điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản.

- Đối với thủ tục cấp Giấy phép khai thác khoáng sản; điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản:

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 theo hướng điện tử hóa, tích hợp, chia sẻ dữ liệu đối với các thành phần hồ sơ: Quyết định chủ trương đầu tư (đối với trường hợp nhà đầu tư trong nước); Giấy đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp là doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài); các văn bản chứng minh vốn chủ sở hữu; dự án đầu tư điều chỉnh theo trữ lượng mới được phê duyệt hoặc theo công suất điều chỉnh, thay đổi phương pháp khai thác, công nghệ khai thác kèm theo quyết định phê duyệt; báo cáo kết quả khai thác khoáng sản, nghĩa vụ đã thực hiện tính đến thời điểm đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản và các văn bản phê duyệt, cho phép điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền; các văn bản, tài liệu liên quan đến thay đổi tên gọi, cơ cấu tổ chức.

Lý do: Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và tích hợp, chia sẻ dữ liệu để bãi bỏ thành phần hồ sơ nhằm giảm hồ sơ giấy tờ, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

- Về thời gian giải quyết TTHC



+ Đối với cấp giấy phép khai thác khoáng sản: Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp.

+ Giảm thời gian trả kết quả TTHC (thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định) từ 07 ngày xuống 03 ngày làm việc.

Lý do: Phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Đối với cấp giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư công trình.

+ Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp.

+ Giảm thời gian trả kết quả TTHC (thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định) từ 10 ngày xuống 03 ngày làm việc.

Lý do: Phù hợp với tình hình thực tiễn.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 47, điểm a khoản 3 Điều 48, điểm b khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 54, điểm a, b khoản 2 Điều 55, điểm b khoản 1, điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 60 và điểm b khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 63 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

b) Thủ tục hành chính 2: Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản (mã thủ tục hành chính: 2.001828)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Bỏ thành phần hồ sơ: Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao có bản chính kèm theo để đối chiếu; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Lý do: Cơ quan thẩm định khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 theo hướng điện tử hóa, tích hợp, chia sẻ đối với các thành phần hồ sơ: Văn bản giới thiệu năng lực, kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản; giới thiệu năng lực tài chính và khả năng huy động tài chính; kế hoạch sơ bộ về đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến sâu, tiêu thụ sản phẩm và bản cam kết thực hiện nếu trúng đấu giá.

Lý do: Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và tích hợp, chia sẻ dữ liệu để bãi bỏ thành phần hồ sơ nhằm giảm hồ sơ giấy tờ, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Khoản 1 và điểm b, d khoản 2 Điều 16 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại khoản 4 Điều 68 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

c) Thủ tục hành chính 3: Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (mã thủ tục hành chính: 2.001822)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Bỏ thành phần hồ sơ: Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao có bản chính kèm theo để đối chiếu; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Lý do: Cơ quan thẩm định khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 theo hướng điện tử hóa, tích hợp, chia sẻ dữ liệu đối với các thành phần hồ sơ: Văn bản giới thiệu năng lực, kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản; giới thiệu năng lực tài chính và khả năng huy động tài chính; chương trình sơ bộ việc đầu tư khai thác, chế biến sâu, tiêu thụ sản phẩm và bản cam kết thực hiện dự án nếu trúng đấu giá.

Lý do: Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và tích hợp, chia sẻ dữ liệu để bãi bỏ thành phần hồ sơ nhằm giảm hồ sơ giấy tờ, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Khoản 1 và điểm b, c khoản 2 Điều 16 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại khoản 4 Điều 68 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.



d) Thủ tục hành chính 4: Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản (mã thủ tục hành chính: 1.004314)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

Lý do: Quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo hướng điện tử hóa, tích hợp, chia sẻ dữ liệu đối với các thành phần hồ sơ; các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d, e và điểm g khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn.

Lý do: Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 47, điểm a khoản 3 Điều 48, điểm b khoản 2 Điều 51, điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

đ) Thủ tục hành chính 5: Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (mã thủ tục hành chính: 1.004305)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

Lý do: Quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Lý do: Khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo hướng điện tử hóa, tích hợp, chia sẻ dữ liệu đối với các thành phần hồ sơ; các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và điểm g khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.

Lý do: Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và tích hợp, chia sẻ dữ liệu để bãi bỏ thành phần hồ sơ nhằm giảm hồ sơ giấy tờ, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 47, điểm a khoản 3 Điều 48, điểm b, c khoản 4 Điều 51, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

e) Thủ tục hành chính 6: Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (mã thủ tục hành chính: 1.004292)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

Lý do: Quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo hướng điện tử hóa, tích hợp, chia sẻ dữ liệu đối với các thành phần hồ sơ; các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và điểm g khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại.

Lý do: Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 để giảm hồ sơ giấy tờ, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp.

- Giảm thời gian thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn từ 30 ngày xuống còn 20 ngày.

Lý do: Thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn xuống còn 20 ngày là phù hợp.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 47, điểm a khoản 3 Điều 48, điểm b khoản 3 Điều 51, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

g) Thủ tục hành chính 7: Đóng cửa mỏ khoáng sản (mã thủ tục hành chính: 1.004262)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

Lý do: Quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Do đó, mở rộng cách thức để tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong thực hiện TTHC.

- Về số thành phần hồ sơ: Bãi bỏ giấy phép khai thác khoáng sản.

Lý do: Cơ quan cấp phép đã lưu giấy phép này.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 theo hướng điện tử hóa, tích hợp, chia sẻ dữ liệu đối với các thành phần hồ sơ: Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, kèm theo Quyết định phê duyệt; các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d, e và điểm g khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ.

Lý do: Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và tích hợp, chia sẻ dữ liệu để bãi bỏ thành phần hồ sơ nhằm giảm hồ sơ giấy tờ, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 47, điểm a khoản 3 Điều 48, điểm b khoản 2 Điều 56 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

Thủ tục hành chính cấp tỉnh:

h) Thủ tục hành chính 1: Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình (mã thủ tục hành chính: 1.004446)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.

- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

Lý do: Quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Việc quy định mở cách thức trả kết quả sẽ phù hợp với tình hình thực tế hiện nay khi thực hiện cung cấp dịch vụ hành chính công (có thể thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến).

- Bãi bỏ Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; Kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện.

Lý do: Cơ quan cấp phép đã lưu trữ thành phần hồ sơ này.

- Đối với hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản: Quy định rõ thành phần hồ sơ theo từng trường hợp điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản.

- Đối với thủ tục Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản; điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản:

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng điện tử hóa, tích hợp, chia sẻ dữ liệu đối với các thành phần hồ sơ: Văn bản quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình (nếu có); Quyết định phê duyệt dự án xây dựng công trình của cơ quan có thẩm quyền; Bản đồ quy hoạch tổng thể khu vực xây dựng dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản nằm trong diện tích xây dựng công trình của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có); Báo cáo đánh giá tác động môi trường (không thuộc thẩm quyền phê duyệt của tỉnh) của dự án đầu tư xây dựng công trình kèm theo quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Lý do: Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và tích hợp, chia sẻ dữ liệu để bãi bỏ thành phần hồ sơ nhằm giảm hồ sơ giấy tờ, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

- Về thời gian giải quyết TTHC

+ Đối với cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

* Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp.

+ Đối với cấp giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng:

* Giảm thời gian thực hiện TTHC cấp giấy phép khai thác khoáng sản từ 90 ngày còn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với hồ sơ cấp Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

* Giảm thời gian trả kết quả TTHC (thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định) từ 07 ngày xuống 03 ngày làm việc.

Lý do: Phù hợp với tình hình thực tiễn.

+ Đối với cấp giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư công trình.

* Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp.

* Giảm thời gian trả kết quả TTHC (thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định) từ 10 ngày xuống 03 ngày làm việc.

Lý do: Phù hợp với tình hình thực tiễn.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 3 Điều 47, khoản 3 Điều 48, khoản 2 Điều 54, điểm b khoản 1, điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 60 và điểm b khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 63 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

- Bổ sung khoản 5 Điều 59 Luật Khoáng sản.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

i) Thủ tục hành chính 2: Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản (mã thủ tục hành chính: 1.004434)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Về cách thức thực hiện TTHC: Bổ sung thêm cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Bỏ thành phần hồ sơ: Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao có bản chính kèm theo để đối chiếu; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Lý do: Cơ quan thẩm định khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng điện tử hóa, tích hợp, chia sẻ dữ liệu đối với các thành phần hồ sơ: Văn bản giới thiệu năng lực, kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản; giới thiệu năng lực tài chính và khả năng huy động tài chính; kế hoạch sơ bộ về đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến sâu, tiêu thụ sản phẩm và bản cam kết thực hiện nếu trúng đấu giá.

Lý do: Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và tích hợp, chia sẻ dữ liệu để bãi bỏ thành phần hồ sơ nhằm giảm hồ sơ giấy tờ, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

(2) Kiến nghị thực thi:

Khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại khoản 4 Điều 68 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

k) Thủ tục hành chính 3: Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (mã thủ tục hành chính: 1.004433)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bỏ thành phần hồ sơ: Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao có bản chính kèm theo để đối chiếu; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Lý do: Cơ quan thẩm định khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng điện tử hóa, tích hợp, chia sẻ dữ liệu đối với các thành phần hồ sơ: Văn bản giới thiệu năng lực, kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản; giới thiệu năng lực tài chính và khả năng huy động tài chính; chương trình sơ bộ việc đầu tư khai thác, chế biến sâu, tiêu thụ sản phẩm và bản cam kết thực hiện dự án nếu trúng đấu giá.

Lý do: Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và tích hợp, chia sẻ dữ liệu để bãi bỏ thành phần hồ sơ nhằm giảm hồ sơ giấy tờ, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

(2) Kiến nghị thực thi:



Khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại khoản 4 Điều 68 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

l) Thủ tục hành chính 4: Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản (mã thủ tục hành chính: 2.001783)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

Lý do: Quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Do đó, mở rộng cách thức để tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong thực hiện TTHC.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng điện tử hóa, tích hợp, chia sẻ dữ liệu đối với các thành phần hồ sơ; các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d, e và điểm g khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn.

Lý do: Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 47, điểm a khoản 3 Điều 48, điểm b khoản 2 Điều 51 và điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

m) Thủ tục hành chính 5: Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (mã thủ tục hành chính: 1.004345)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

Lý do: Quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Do đó, mở rộng cách thức để tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong thực hiện TTHC.

- Về số thành phần hồ sơ

+ Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Lý do: Khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng điện tử hóa, tích hợp, chia sẻ dữ liệu đối với các thành phần hồ sơ; các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và điểm g khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.

Lý do: Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và tích hợp, chia sẻ dữ liệu để bãi bỏ thành phần hồ sơ nhằm giảm hồ sơ giấy tờ, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 47, điểm a khoản 3 Điều 48, điểm b, c khoản 4 Điều 51 và điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

n) Thủ tục hành chính 6: Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (mã thủ tục hành chính: 1.004135)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

Lý do: Quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Do đó, mở rộng cách thức để tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong thực hiện TTHC.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng điện tử hóa, tích hợp, chia sẻ dữ liệu đối với các thành phần hồ sơ; các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và điểm g khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại.

Lý do: Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến để giảm hồ sơ giấy tờ, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 47, điểm a khoản 3 Điều 48, điểm b khoản 3 Điều 51 và điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

o) Thủ tục hành chính 7: Đóng cửa mỏ khoáng sản (mã thủ tục hành chính: 1.004367)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

Lý do: Quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Do đó, mở rộng cách thức để tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong thực hiện TTHC.

- Về số thành phần hồ sơ:

+ Bãi bỏ giấy phép khai thác khoáng sản.

Lý do: Cơ quan cấp phép đã lưu giấy phép này.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng điện tử hóa, tích hợp, chia sẻ dữ liệu đối với các thành phần hồ sơ: Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, kèm theo quyết định phê duyệt; các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và điểm g khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ.

Lý do: Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và tích hợp, chia sẻ dữ liệu để bãi bỏ thành phần hồ sơ nhằm giảm hồ sơ giấy tờ, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 47, điểm a khoản 3 Điều 48, điểm b khoản 2 Điều 56 và khoản 1, khoản 4 Điều 60 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

p) Thủ tục hành chính 8: Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (mã thủ tục hành chính: 2.001781)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

Lý do: Quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Do đó, mở rộng cách thức để tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong thực hiện TTHC.

- Về số thành phần hồ sơ:

+ Bãi bỏ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Lý do: Cơ quan cấp phép khai thác thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

+ Bãi bỏ Báo cáo đánh giá tác động môi trường; Kế hoạch bảo vệ môi trường trường hợp địa phương phê duyệt

Lý do: Cơ quan cấp phép đã lưu thành phần hồ sơ này.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng điện tử hóa, tích hợp, chia sẻ dữ liệu đối với các thành phần hồ sơ: Báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo Quyết định phê duyệt hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường trường hợp các bộ ngành, địa phương phê duyệt.

Lý do: Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và tích hợp, chia sẻ dữ liệu để bãi bỏ thành phần hồ sơ nhằm cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 47, điểm a khoản 3 Điều 48, điểm b khoản 1 Điều 52 và điểm b khoản 1 Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

q) Thủ tục hành chính 9: Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (mã thủ tục hành chính: 1.004343)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

Lý do: Quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Do đó, mở rộng cách thức để tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong thực hiện TTHC.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng điện tử hóa, tích hợp, chia sẻ dữ liệu đối với các thành phần hồ sơ; các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn.

Lý do: Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và tích hợp, chia sẻ dữ liệu để bãi bỏ thành phần hồ sơ nhằm cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 47, điểm a khoản 3 Điều 48, điểm b khoản 2 Điều 52 và điểm b khoản 1 Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2024.

r) Thủ tục hành chính 10: Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (mã thủ tục hành chính: 2.001777)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

Lý do: Quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Do đó, mở rộng cách thức để tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong thực hiện TTHC.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng điện tử hóa, tích hợp, chia sẻ dữ liệu đối với các thành phần hồ sơ; các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại.

Lý do: Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến để giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 47, điểm a khoản 3 Điều 48, điểm b khoản 3 Điều 52 và điểm b khoản 1 Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

III. QUY ĐỊNH TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

1. Thủ tục hành chính cấp Trung ương

a) Thủ tục hành chính 1: Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 3.000m³/ngày đêm trở lên (mã thủ tục hành chính: 1.000657)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Về số lượng hồ sơ:

+ Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ.

Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến.

+ Bãi bỏ quy định: Trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép còn phải nộp thêm một (01) bộ hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường của địa phương dự định đặt công trình.

Lý do: Không cần thiết, trường hợp tổ chức cá nhân được cấp phép, cơ quan quyết định cấp phép sẽ gửi quyết định cấp phép được phê duyệt cho Sở Tài nguyên và Môi trường của địa phương nơi có công trình để quản lý.

- Về thời gian giải quyết TTHC:

+ Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 10 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là đủ thời gian.

+ Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc.

Lý do: Phù hợp với tình hình thực tiễn.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 29, khoản 1, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

b) Thủ tục hành chính 2: Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 3.000m³/ngày đêm trở lên (mã thủ tục hành chính: 1.000606)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao giấy phép đã được cấp.

Lý do: Trong đơn đề nghị Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đã có thông tin về giấy phép đã được cấp; đồng thời cơ quan cấp phép đã lưu giấy phép này. Do đó, không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này.

- Về số lượng hồ sơ:

+ Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ.

Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến.

+ Bãi bỏ quy định: Trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép còn phải nộp thêm một (01) bộ hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường của địa phương dự định đặt công trình.

Lý do: Không cần thiết, trường hợp tổ chức cá nhân được cấp phép, cơ quan quyết định cấp phép sẽ gửi quyết định cấp phép được phê duyệt cho Sở Tài nguyên và Môi trường của địa phương nơi có công trình để quản lý.

- Về thời gian giải quyết TTHC:



+ Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là đủ thời gian.

+ Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc.

Lý do: Phù hợp với tình hình thực tiễn.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 29; bỏ điểm c khoản 2 Điều 30 và khoản 1, khoản 4 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

c) Thủ tục hành chính 3: Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 3.000m³/ngày đêm trở lên (mã thủ tục hành chính: 1.000070)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Về cách thức thực hiện: Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Về số lượng hồ sơ:

+ Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ.

Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến.

+ Bãi bỏ quy định: Trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép còn phải nộp thêm một (01) bộ hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường của địa phương dự định đặt công trình.

Lý do: Không cần thiết, trường hợp tổ chức cá nhân được cấp phép, cơ quan quyết định cấp phép sẽ gửi quyết định cấp phép được phê duyệt cho Sở Tài nguyên và Môi trường của địa phương nơi có công trình để quản lý.

- Về thời gian giải quyết TTHC:

+ Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 10 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là đủ thời gian.



+ Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc.

Lý do: Phù hợp với tình hình thực tiễn.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 29, khoản 1, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

d) Thủ tục hành chính 4: Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 3.000m³/ngày đêm trở lên (mã thủ tục hành chính: 1.000060)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Về cách thức thực hiện: Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao giấy phép đã được cấp.

Lý do: Trong đơn đề nghị Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đã có thông tin về giấy phép đã được cấp; đồng thời cơ quan cấp phép đã lưu giấy phép này. Do đó, không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này.

- Về số lượng hồ sơ:

+ Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ.

Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến.

+ Bãi bỏ quy định: Trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép còn phải nộp thêm một (01) bộ hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường của địa phương dự định đặt công trình.

Lý do: Không cần thiết, trường hợp tổ chức cá nhân được cấp phép, cơ quan quyết định cấp phép sẽ gửi quyết định cấp phép được phê duyệt cho Sở Tài nguyên và Môi trường của địa phương nơi có công trình để quản lý.

- Về thời gian giải quyết TTHC:

+ Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ điều chỉnh, gia hạn trong 03 ngày làm việc là đủ thời gian thực hiện vì thành phần hồ sơ đơn giản.

- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc.

Lý do: Phù hợp với tình hình thực tiễn.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 29; bãi bỏ điểm d khoản 2 Điều 31 và khoản 1, khoản 4 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

đ) Thủ tục hành chính 5: Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 2m³/giây trở lên; phát điện với công suất lắp máy từ 2.000kw trở lên; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 50.000m³/ngày đêm trở lên; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng từ 100.000m³/ngày đêm trở lên (mã thủ tục hành chính: 2.000021)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Về cách thức thực hiện: Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Về số lượng hồ sơ:

+ Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ.

Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến.

+ Bãi bỏ quy định: Trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép còn phải nộp thêm một (01) bộ hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường của địa phương dự định đặt công trình.

Lý do: Không cần thiết, trường hợp tổ chức cá nhân được cấp phép, cơ quan quyết định cấp phép sẽ gửi quyết định cấp phép được phê duyệt cho Sở Tài nguyên và Môi trường của địa phương nơi có công trình để quản lý.

- Về thời gian giải quyết TTHC:

+ Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 10 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là đủ thời gian.

+ Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc.

Lý do: Phù hợp với tình hình thực tiễn.



(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 29, khoản 1, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

e) Thủ tục hành chính 6: Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 2m³/giây trở lên; phát điện với công suất lắp máy từ 2.000kw trở lên; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 50.000m³/ngày đêm trở lên; Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng từ 100.000m³/ ngày đêm trở lên (mã thủ tục hành chính: 2.000018)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Về cách thức thực hiện: Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao giấy phép đã được cấp.

Lý do: Trong đơn đề nghị Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt đã có thông tin về giấy phép đã được cấp; đồng thời cơ quan cấp phép đã lưu giấy phép này. Do đó, không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này.

- Về số lượng hồ sơ:

+ Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ.

Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến.

+ Bãi bỏ quy định: Trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép còn phải nộp thêm một (01) bộ hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường của địa phương dự định đặt công trình.

Lý do: Không cần thiết, trường hợp tổ chức cá nhân được cấp phép, cơ quan quyết định cấp phép sẽ gửi quyết định cấp phép được phê duyệt cho Sở Tài nguyên và Môi trường của địa phương nơi có công trình để quản lý.

- Về thời gian giải quyết TTHC:

+ Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.



Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ điều chỉnh, gia hạ, cấp lại trong 03 ngày làm việc là đủ thời gian thực hiện vì thành phần hồ sơ đơn giản.

+ Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc.

Lý do: Phù hợp với tình hình thực tiễn.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 29; bãi bỏ điểm d khoản 2 Điều 32 và sửa đổi khoản 1, khoản 4 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

g) Thủ tục hành chính 7: Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô lớn (mã thủ tục hành chính: 1.004285)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Về cách thức thực hiện: Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Về thành phần hồ sơ:

+ Bổ thành phần hồ sơ: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp có xác nhận của Cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép; trường hợp chỉ có bản sao chụp thì phải kèm bản chính để đối chiếu.

Lý do: Đơn đề nghị cấp phép đã có thông tin về doanh nghiệp; cơ quan thẩm định khai thác thông tin về doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp.

+ Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng nộp bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: Quyết định thành lập của tổ chức; các văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT và hợp đồng lao động đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hợp đồng lao động với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật.

Lý do: Phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.

- Về số lượng hồ sơ:

Bãi bỏ quy định: Trường hợp cơ quan thụ lý hồ sơ cấp phép là Cục Quản lý tài nguyên nước thì tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép phải gửi thêm một (01)



bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương nơi đăng ký địa chỉ thường trú của tổ chức, cá nhân.

Lý do: Không cần thiết, trường hợp tổ chức cá nhân được cấp phép, cơ quan quyết định cấp phép sẽ gửi quyết định cấp phép được phê duyệt cho Sở Tài nguyên và Môi trường của địa phương nơi có công trình để quản lý.

- Quy định cụ thể thời gian trả kết quả TTHC cho tổ chức, cá nhân.

Lý do: Pháp luật hiện hành chưa quy định nội dung này, dẫn đến tùy tiện trong quá trình thực hiện.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 12, Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

h) Thủ tục hành chính 8: Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô lớn (mã thủ tục hành chính: 1.004938)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Về thành phần hồ sơ:

+ Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao giấy phép đã được cấp.

Lý do: Trong đơn đề nghị đã có thông tin, mặt khác thành phần hồ sơ này đã được lưu tại cơ quan cấp phép.

+ Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng nộp bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: Quyết định thành lập của tổ chức; các văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT và hợp đồng lao động đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hợp đồng lao động với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật.

Lý do: Phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 12, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 13; bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 14 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

i) Thủ tục hành chính 9: Cấp lại giấy phép tài nguyên nước (mã thủ tục hành chính: 1.004094)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến

Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Thời gian giải quyết TTHC:

+ Giảm thời gian tiếp nhận hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày.

+ Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc.

Lý do: Phù hợp với tình hình thực tiễn.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 29, khoản 1, khoản 4 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

k) Thủ tục hành chính 10: Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô lớn (mã thủ tục hành chính: 1.004302)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

(2) Kiến Nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 12, khoản 2 Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

2. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

a) Thủ tục hành chính 1: Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm (mã thủ tục hành chính: 1.004232)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức Bộ phận Một cửa

hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ.

Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến.

- Về thời gian giải quyết TTHC:

+ Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 10 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là đủ thời gian.

+ Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc.

Lý do: Phù hợp với tình hình thực tiễn.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 29, khoản 1, khoản 3 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

b) Thủ tục hành chính 2: Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm (mã thủ tục hành chính: 1.004228)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao giấy phép đã được cấp.

Lý do: Trong đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đã có thông tin về giấy phép đã được cấp; đồng thời cơ quan cấp phép đã lưu giấy phép này. Do đó, không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này.

- Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ.

Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến.



- Về thời gian giải quyết TTHC:

+ Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ điều chỉnh, gia hạn, cấp lại trong 03 ngày làm việc là đủ thời gian thực hiện vì thành phần hồ sơ đơn giản.

+ Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc.

Lý do: Phù hợp với tình hình thực tiễn.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 29; bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 30; sửa đổi khoản 1 Điều 35 và khoản 1, khoản 4 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

c) Thủ tục hành chính 3: Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm (mã thủ tục hành chính: 1.004223)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ.

Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến.

- Về thời gian giải quyết TTHC:

+ Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 10 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là đủ thời gian.

+ Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc.

Lý do: Phù hợp với tình hình thực tiễn.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 29 và khoản 1, khoản 3 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

d) Thủ tục hành chính 4: Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm (mã thủ tục hành chính: 1.004211)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao giấy phép đã được cấp.

Lý do: Trong đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đã có thông tin về giấy phép đã được cấp; đồng thời cơ quan cấp phép đã lưu giấy phép này. Do đó, không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này.

- Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ.

Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến.

- Về thời gian giải quyết TTHC:

+ Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ điều chỉnh, gia hạn trong 03 ngày làm việc là đủ thời gian thực hiện vì thành phần hồ sơ đơn giản.

+ Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc.

Lý do: Phù hợp với tình hình thực tiễn.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 29; bãi bỏ điểm d khoản 2 Điều 31; sửa đổi khoản 1 Điều 35 và khoản 1, khoản 4 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

đ) Thủ tục hành chính 5: Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m³/ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m³/ ngày đêm (mã thủ tục hành chính: 1.004179)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ.

Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến.

- Về thời gian giải quyết TTHC:

+ Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 10 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là đủ thời gian.

+ Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc.

Lý do: Phù hợp với tình hình thực tiễn.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 29, khoản 1, khoản 3 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

e) Thủ tục hành chính 6: Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m³/ngày đêm; Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m³/ngày đêm (mã thủ tục hành chính: 1.004167)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức Bộ phận Một cửa

hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao giấy phép đã được cấp.

Lý do: Trong đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đã có thông tin về giấy phép đã được cấp; đồng thời cơ quan cấp phép đã lưu giấy phép này. Do đó, không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này.

- Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ.

Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến.

- Về thời gian giải quyết TTHC:

+ Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ điều chỉnh, gia hạn trong 03 ngày làm việc là đủ thời gian thực hiện vì thành phần hồ sơ đơn giản.

+ Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc.

Lý do: Phù hợp với tình hình thực tiễn.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 29; bãi bỏ điểm d khoản 2 Điều 32; sửa đổi khoản 1 Điều 35 và khoản 1, khoản 4 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

g) Thủ tục hành chính 7: Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (mã thủ tục hành chính: 1.004122)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

Lý do: Đơn đề nghị cấp phép đã có thông tin về doanh nghiệp; cơ quan thẩm định khai thác thông tin về doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp.

- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: Quyết định thành lập của tổ chức; các văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT và hợp đồng lao động đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hợp đồng lao động với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật.

Lý do: Phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.

- Quy định cụ thể thời gian trả kết quả TTHC cho tổ chức, cá nhân.

Lý do: Pháp luật hiện hành chưa quy định nội dung này, dẫn đến tùy tiện trong quá trình thực hiện.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 12, điểm b, điểm c khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

h) Thủ tục hành chính 8: Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (mã thủ tục hành chính: 2.001738)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao giấy phép đã được cấp.

Lý do: Trong đơn đề nghị đã có thông tin, mặt khác thành phần hồ sơ này đã được lưu tại cơ quan cấp phép.

- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: Quyết định thành lập của tổ chức; các văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT và hợp đồng lao động đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hợp đồng lao động với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật.

Lý do: Phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 12, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 13 và bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 14 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

i) Thủ tục hành chính 9: Cấp lại giấy phép tài nguyên nước (mã thủ tục hành chính: 1.000824)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc.

Lý do: Phù hợp với tình hình thực tiễn.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 29; khoản 1, khoản 4 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

k) Thủ tục hành chính 10: Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (mã thủ tục hành chính: 1.004253)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

(2) Kiến nghị thực thi:



- Sửa đổi Điều 12, khoản 2 Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT.
- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

l) Thủ tục hành chính 11: Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi (mã thủ tục hành chính: 2.001850)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bổ sung quy định tổ chức cá nhân nộp hồ sơ đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

Lý do: Chưa quy định.

- Bổ sung trường hợp địa phương đã tổ chức Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.

- Về thời gian giải quyết TTHC:

+ Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của Phương án từ 10 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của phương án trong thời gian 03 ngày là đủ thời gian. Mặt khác còn khoảng 30 ngày để thẩm định hồ sơ.

- + Bổ sung quy định thời gian trả kết quả TTHC.

Lý do: Pháp luật hiện hành chưa quy định, việc quy định cụ thể tránh tùy tiện trong thực hiện.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 3 Điều 12 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

IV. QUY ĐỊNH TRONG LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

1. Thủ tục hành chính cấp Trung ương

a) Thủ tục hành chính 1: Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (mã thủ tục hành chính: 1.003099)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Về trình tự thực hiện: Quy định cụ thể về bước trả kết quả giải quyết TTHC.

Lý do: Pháp luật hiện hành chưa quy định nội dung này.

- Về thành phần hồ sơ:

+ Bãi bỏ “Giấy chứng nhận hoạt động kinh doanh của tổ chức”.

Lý do: Khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký kinh doanh.

+ Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: văn bản, chứng chỉ và hợp đồng lao động của đội ngũ nhân viên; quyết định thành lập tổ chức.

Lý do: Phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b, c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 15, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 16 và Điều 17 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2023-2024.

b) Thủ tục hành chính 2: Gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (mã thủ tục hành chính: 1.003020)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Về trình tự thực hiện: Quy định cụ thể về bước trả kết quả giải quyết TTHC.

Lý do: Pháp luật hiện hành chưa quy định nội dung này.

- Về cách thức thực hiện TTHC: Bổ sung cách thức thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tình hình thực tiễn hiện nay.

- Bỏ bản sao chứng thực giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đã được cấp.

Lý do: Cơ quan cấp phép đã lưu thành phần hồ sơ này.

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ điểm c khoản 3 Điều 15; sửa đổi điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 16 và sửa đổi, bổ sung Điều 17 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2023-2024.

c) Thủ tục hành chính 3: Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (mã thủ tục hành chính: 1.002986)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Về trình tự thực hiện: Quy định cụ thể về bước trả kết quả giải quyết TTHC.

Lý do: Pháp luật hiện hành chưa quy định nội dung này.

- Về cách thức thực hiện TTHC: Bổ sung cách thức thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tình hình thực tiễn hiện nay.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 18 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: 2023-2024.

d) Thủ tục hành chính 4: Xin phép trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài (mã thủ tục hành chính: 1.001130)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Về trình tự thực hiện: Bổ sung quy định cụ thể trình tự thực hiện TTHC và trả kết quả giải quyết TTHC.

Lý do: Pháp luật hiện hành chưa quy định nội dung này.

- Về cách thức thực hiện TTHC: Bổ sung cách thức thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 34 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: 2023-2024.

đ) Thủ tục hành chính 5: Thẩm định kế hoạch tác động vào thời tiết (mã thủ tục hành chính: 1.001115)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Về trình tự thực hiện: Quy định cụ thể về bước trả kết quả giải quyết TTHC.

Lý do: Pháp luật hiện hành chưa quy định nội dung này.

- Về cách thức thực hiện TTHC: Quy định cụ thể các cách thức thực hiện TTHC và trả kết quả.

Lý do: Thông tư số 09/2016/TT-BTNMT quy định chung chung, chưa cụ thể

- Về số lượng hồ sơ: Giảm từ 05 bộ xuống 01 bộ.

Lý do: Phù hợp với trường hợp nộp qua dịch vụ công trực tuyến; đồng thời việc sao gửi lấy ý kiến các thành viên trong quá trình thẩm định thuộc trách nhiệm của cơ quan thẩm định.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2016/TT-BTNMT.
- Lộ trình thực hiện: 2024-2025.

e) Thủ tục hành chính 6: Thẩm định điều chỉnh một phần kế hoạch tác động vào thời tiết (mã thủ tục hành chính: 1.001047)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Về trình tự thực hiện: Quy định cụ thể về bước trả kết quả giải quyết TTHC.

Lý do: Pháp luật hiện hành chưa quy định nội dung này.

- Về cách thức thực hiện TTHC: Quy định cụ thể các cách thức thực hiện TTHC và trả kết quả.

Lý do: Thông tư số 09/2016/TT-BTNMT quy định chung chung, chưa cụ thể.

- Về số lượng hồ sơ: Giảm từ 05 bộ xuống 01 bộ.

Lý do: Phù hợp với trường hợp nộp qua dịch vụ công trực tuyến; đồng thời việc sao gửi lấy ý kiến các thành viên trong quá trình thẩm định thuộc trách nhiệm của cơ quan thẩm định.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2016/TT-BTNMT.

- Lộ trình thực hiện: 2024-2025.

2. Thủ tục hành chính cấp tỉnh:

a) Thủ tục hành chính 1: Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (mã thủ tục hành chính: 1.000987)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Về trình tự thực hiện: Quy định cụ thể về bước trả kết quả giải quyết TTHC.

Lý do: Pháp luật hiện hành chưa quy định nội dung này.

- Về thành phần hồ sơ: Bãi bỏ “Giấy chứng nhận hoạt động kinh doanh của tổ chức”.

Lý do: Khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký kinh doanh.

- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: Bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ; Văn bằng, Chứng chỉ và Hợp đồng lao động của đội ngũ nhân viên; Quyết định thành lập tổ chức.

Lý do: Phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b, c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 15, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 16 và Điều 17 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2023-2024.

b) Thủ tục hành chính 2: Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (mã thủ tục hành chính: 1.000970)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Về trình tự thực hiện: Quy định cụ thể về bước trả kết quả giải quyết TTHC.

Lý do: Pháp luật hiện hành chưa quy định nội dung này.

- Về cách thức thực hiện TTHC: Bổ sung cách thức thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tình hình thực tiễn hiện nay.

- Bỏ Bản sao chứng thực giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đã được cấp.

Lý do: Cơ quan cấp phép đã lưu thành phần hồ sơ này.

- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ điểm c khoản 3 Điều 15; sửa đổi điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 16 và sửa đổi, bổ sung Điều 17 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2023-2024.

c) Thủ tục hành chính 3: Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (mã thủ tục hành chính: 1.000943)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Về trình tự thực hiện: Quy định cụ thể về bước trả kết quả giải quyết TTHC.

Lý do: Pháp luật hiện hành chưa quy định nội dung này.

- Về cách thức thực hiện TTHC: Bổ sung cách thức thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tình hình thực tiễn hiện nay.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3 Điều 18 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2023-2024.

V. QUY ĐỊNH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ TỔNG HỢP TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

1. Thủ tục hành chính cấp Trung ương

a) Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy phép nhận chìm ở biển (mã thủ tục hành chính: 1.000801)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi, bổ sung hình thức cơ quan tiếp nhận: Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Bổ sung hình thức tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; bỏ báo cáo đánh giá tác động môi trường (trường hợp cùng cơ quan thẩm quyền thẩm định, phê duyệt); số lượng hồ sơ giảm 02 bộ xuống còn 01 bộ.

Lý do: Việc bổ sung hình thức nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và bãi bỏ thành phần hồ sơ để giảm hồ sơ giấy tờ, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

- Bỏ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (nếu là doanh nghiệp).

Lý do: Loại giấy tờ này đã được lưu trữ trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 5 Điều 54, Điều 55, điểm a khoản 1 Điều 57 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

b) Thủ tục hành chính 2: Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển (mã thủ tục hành chính: 1.002025)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi, bổ sung hình thức cơ quan tiếp nhận: Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Bổ sung hình thức tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; bỏ báo cáo đánh giá tác động môi trường (trường hợp cùng cơ quan thẩm quyền thẩm định, phê duyệt); số lượng hồ sơ giảm 02 bộ xuống còn 01 bộ.

Lý do: Việc bổ sung hình thức nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến và bãi bỏ thành phần hồ sơ để giảm hồ sơ giấy tờ, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

- Bỏ văn bản chứng minh việc tổ chức, cá nhân được phép nhận chìm ở biển thay đổi tên trong trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển do thay đổi tên.

Lý do: Loại giấy tờ này đã được lưu trữ trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 5 Điều 54, Điều 55, điểm a khoản 1 Điều 57 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

c) Thủ tục hành chính 3: Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển (mã thủ tục hành chính: 1.002048)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi, bổ sung hình thức cơ quan tiếp nhận: Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Bổ sung hình thức tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; số lượng hồ sơ giảm 02 bộ xuống còn 01 bộ.

Lý do: Việc bổ sung hình thức nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công và giảm số lượng hồ sơ nhằm giảm hồ sơ giấy tờ, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

(2) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 55, điểm a khoản 1 Điều 57 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

d) Thủ tục hành chính 4: Trả lại Giấy phép nhận chìm(mã thủ tục hành chính: 1.001658)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi, bổ sung hình thức cơ quan tiếp nhận: Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Bổ sung hình thức tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; số lượng hồ sơ giảm 02 bộ xuống còn 01 bộ.

Lý do: Việc bổ sung hình thức nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến và giảm số lượng hồ sơ nhằm giảm hồ sơ giấy tờ, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

(2) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 55, điểm a khoản 1 Điều 57 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

đ) Thủ tục hành chính 5: Cấp lại Giấy phép nhận chìm (mã thủ tục hành chính: 1.001631)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi, bổ sung hình thức cơ quan tiếp nhận: Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Bổ sung hình thức tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; số lượng hồ sơ giảm 02 bộ xuống còn 01 bộ.

Lý do: Việc bổ sung hình thức nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến và giảm số lượng hồ sơ nhằm giảm hồ sơ giấy tờ, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

(2) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 55, điểm a khoản 1 Điều 57 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

2. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

a) Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy phép nhận chìm ở biển (mã thủ tục hành chính: 1.005189)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi, bổ sung hình thức cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Bổ sung hình thức tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; bỏ báo cáo đánh giá tác động môi trường (trường hợp cùng cơ quan thẩm quyền thẩm định, phê duyệt); số lượng hồ sơ giảm 02 bộ xuống còn 01 bộ.

Lý do: Việc bổ sung hình thức nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến và bãi bỏ thành phần hồ sơ đề giảm hồ sơ giấy tờ, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

- Bỏ văn bản chứng minh việc tổ chức, cá nhân được phép nhận chìm ở biển thay đổi tên trong trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển do thay đổi tên.

Lý do: Loại giấy tờ này đã được lưu trữ trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 5 Điều 54, Điều 55, điểm a khoản 1 Điều 57 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

b) Thủ tục hành chính 2: Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển (mã thủ tục hành chính: 1.000969)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi, bổ sung hình thức cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Bổ sung hình thức tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; bỏ báo cáo đánh giá tác động môi trường (trường hợp cùng cơ quan thẩm quyền thẩm định, phê duyệt); số lượng hồ sơ giảm 02 bộ xuống còn 01 bộ.

Lý do: Việc bổ sung hình thức nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến và bãi bỏ thành phần hồ sơ đề giảm hồ sơ giấy tờ, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

- Bỏ văn bản chứng minh việc tổ chức, cá nhân được phép nhận chìm ở biển thay đổi tên trong trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển do thay đổi tên.

Lý do: Loại giấy tờ này đã được lưu trữ trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

(2) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 5 Điều 54, Điều 55, điểm a khoản 1 Điều 57 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

c) Thủ tục hành chính 3: Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển (mã thủ tục hành chính: 2.000472)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi, bổ sung hình thức cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Bổ sung hình thức tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; số lượng hồ sơ giảm 02 bộ xuống còn 01 bộ.

Lý do: Việc bổ sung hình thức nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến và giảm số lượng hồ sơ nhằm giảm hồ sơ giấy tờ, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

(2) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 55, điểm a khoản 1 Điều 57 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

d) Thủ tục hành chính 4: Trả lại Giấy phép nhận chìm (mã thủ tục hành chính: 1.000942)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi, bổ sung hình thức cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Bổ sung hình thức tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; số lượng hồ sơ giảm 02 bộ xuống còn 01 bộ.

Lý do: Việc bổ sung hình thức nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến và giảm số lượng hồ sơ nhằm giảm hồ sơ giấy tờ, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

(2) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 55, điểm a khoản 1 Điều 57 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

đ) Thủ tục hành chính 5: Cấp lại Giấy phép nhận chìm (mã thủ tục hành chính: 2.000444)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi, bổ sung hình thức cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Lý do: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Bổ sung hình thức tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; số lượng hồ sơ giảm 02 bộ xuống còn 01 bộ.



Lý do: Việc bổ sung hình thức nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến và giảm số lượng hồ sơ nhằm giảm hồ sơ giấy tờ, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

(2) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 55, điểm a khoản 1 Điều 57 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: 2022-2023.

VI. QUY ĐỊNH TRONG LĨNH VỰC ĐA DẠNG SINH HỌC

Thủ tục hành chính 1. Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (mã thủ tục hành chính: 1.004082)

(1) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

Lý do: Hợp đồng tiếp cận nguồn gen là hợp đồng dân sự, đã được quy định cụ thể về quyền, trách nhiệm của các bên theo quy định của pháp luật dân sự. Bên cạnh đó, hiện nay, việc giao UBND xã thực hiện việc xác nhận cũng chưa thật sự phù hợp với năng lực của cán bộ, công chức cấp xã về đa dạng sinh học. Hơn nữa, việc xác nhận này cũng chỉ là một bước trong thủ tục cấp giấy phép tiếp cận nguồn gen. Do đó, đề nghị bãi bỏ thủ tục hành chính này để cắt giảm thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi trong thực hiện thủ tục hành chính.

(2) Kiến nghị thực thi

Đề nghị sửa đổi các quy định về nội dung này tại Luật Đa dạng sinh học theo hướng một Luật sửa nhiều Luật./.